

Bản án số: 28/2026/HSST
Ngày: 18/3/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - Q

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Tuấn Anh**.

Các hội thẩm nhân dân:

1, Ông **Nguyễn Văn Bảy**

2, Ông **Hoàng Quang Phong**

- T ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Tố Tâm** - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Q tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Công Hoàng** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2026, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 5 - Q, mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 64/2025/TLST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2026/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2026/HSST-QĐ ngày 02/3/2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: **PHẠM THỊ L** (không có tên gọi khác); Sngày 11 tháng 01 năm 1981, tại B, Q; Nơi Tồng trú: khu N, phường B, tỉnh Q; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 02/12; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt N; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; con ông: Phạm Văn Hữu (đã chết); con bà Đinh Thị Lụa (đã chết); Chồng: Nguyễn Văn T, Snăm 1978; có 02 con, con lớn Snăm 2000, con nhỏ Snăm 2003; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo hiện tại ngoại, bị áp dụng biện pháp “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

- Nguyễn Văn T, Snăm 2008; nơi Tồng trú: khu T, phường B, tỉnh Q (đã chết).

Đại diện hợp pháp của bị hại Thành: bà **Lài Thị S**, Snăm 1981; nơi Tồng trú: khu T, phường B, tỉnh Q, có đơn xin xử vắng mặt.

- Bùi Văn T, Snăm 2008; nơi Tồng trú: khu T, phường B, tỉnh Q, vắng mặt.

Đại diện hợp pháp của bị hại T: bà **Nguyễn Thị B**, Snăm 1985; nơi Tồng trú: khu

T, phường B, tỉnh Q, có đơn xin xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông **Nguyễn Văn T**, Năm 1978; khu N, phường B, tỉnh Q, có đơn xin xử vắng mặt.

** Người làm chứng:*

- Anh **Nguyễn Văn T**, Năm 2000; khu N, phường B, tỉnh Q. Vắng mặt.

- Ông **Lê Văn N**, Năm 1968; khu N, phường B, tỉnh Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 06/9/2025, Phạm Thị L (*không có giấy phép lái xe theo quy định*) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave biển kiểm soát 14Z1 - 094.57 (dung tích xi lanh 97 cm³) phía sau chở anh Nguyễn Văn T, Năm 2000, trú tại khu N, phường B, tỉnh Q đi trên đường tỉnh lộ 326, theo hướng từ phường Đ đi phường Y, tỉnh Q. Khi đi đến gần khu vực ngã 3 (cách lối rẽ về nhà khoảng 30 m), L bật xi nhan trái và giảm tốc độ để chuyển hướng sang phần đường ngược chiều, trong lúc chuyển hướng để đi sang phần đường ngược chiều, do không chú ý quan sát và không nhường đường cho xe đi đến từ bên trái ở phần đường ngược chiều đến nên xe mô tô do L điều khiển đã va chạm với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 14AZ - 079.73 do cháu Nguyễn Văn T (Năm 2008, trú tại khu T, phường B) điều khiển chở phía sau là cháu Bùi Văn T (Năm 2008). Hậu quả: Cháu Thành và cháu T bị Tọng nặng được đưa đi cấp cứu, đến 20 giờ 25 phút (cùng ngày) cháu Thành bị tử vong, các phương tiện bị hư hỏng.

Tại bản Kết luận giám định tử thi số 180/KLTTCT-TTPY ngày 09/9/2025, của Trung tâm pháp y - Sở y tế Q kết luận: Nguyên nhân tử vong của cháu Nguyễn Văn T do chấn Tọng sọ não hở, vỡ vòm và nền sọ, dập não, mất não, chết não.

Tại bản Kết luận giám định tổn Tọng trên cơ thể người sống số 662/KLTTCT-TTPY ngày 07/11/2025, của Trung tâm pháp y - Sở y tế Q kết luận Tọng tích của cháu Bùi Văn T: Gãy xương sườn 6, 7, 8, 9 trái; tổn Tọng màng phổi trái tràn máu; rách thùy dưới phổi trái, đụng dập phổi hai bên, vỡ lách độ III không thể bảo tồn đã được cắt lách toàn bộ, gãy xương bánh chè trái... Tỷ lệ phần trăm tổn Tọng cơ thể tại thời điểm giám định là 73 % (Bảy mươi ba phần trăm).

Kết quả khám nghiệm hiện trường thể hiện: Nơi xảy ra tai nạn tại Km 18, đường tỉnh lộ 326 thuộc khu N, phường B, tỉnh Q, phía Bắc hướng đi phường Y, tỉnh Q; phía N hướng đi phường Đ; phía Đông giáp khu dân cư, phía Tây giáp trụ sở công an xã T cũ.

Vị trí xảy ra tai nạn trên nền đường bê tông trải phẳng, đường có chiều rộng 7,9 m. Tâm đường có vạch sơn vàng đứt đoạn, chia đường làm 02 phần đường hướng đi ngược chiều nhau, mỗi phần đường có 01 (một) làn đường, mép đường có vạch sơn liền nét. Cách vị trí xe mô tô biển kiểm soát 14Z1 - 094.57 về phía Bắc 15,1 m là ngã ba đường nằm ở phía Tây hướng đi vào khu dân cư, ngã ba có chiều rộng 13,3 m.

Trên lề đường phía Đông hướng phường Đ đi phường Y có biển báo “Giao nhau với đường không ưu tiên”. Tại vị trí xảy ra tai nạn là 01 (một) cột đèn điện đường được bật chiếu sáng.

Lấy cột mốc Km 18, đường tỉnh 326 bên phải đường hướng phường Y đi phường Đ làm mốc chuẩn và lấy lề đường bên phải đường hướng phường Y đi phường Đ làm mép chuẩn.

Hiện trường có các dấu vết:

(1). Xe mô tô biển kiểm soát 14Z1 - 094.57, bị đổ nghiêng bên phải sau tai nạn trên phần đường hướng đi phường Y đi phường Đ (đầu xe quay hướng Tây N, đuôi xe quay hướng Đông Bắc)...

(2). Xe mô tô biển kiểm soát 14AZ - 079.73 bị đổ nghiêng sang bên phải sau tai nạn trên phần đường hướng đi phường Y đi phường Đ (đầu xe quay hướng Đông N - đuôi xe quay hướng Tây Bắc).

(3). Vị trí tỳ miết lốp KT (1,9 x 0,1) m trên phần đường hướng phường Y đi phường Đ.

(4). Vị trí vết cày xước mặt đường dài 18 m (vị trí rộng nhất là 0,5 m) trên phần đường hướng phường Y đi phường Đ do xe mô tô biển kiểm soát 14AZ - 079.73 tạo lên, điểm đầu của vết cày xước rộng 0,2 m, xung quanh có có nhiều đám mảnh vỡ nằm rải rác trên mặt đường phần đường hướng phường Y đi phường Đ.

Mở rộng hiện trường về phía N 09 m: Trên phần đường hướng phường Đ đi Y là vạch sơn giảm tốc màu vàng.

Mở rộng hiện trường về phía Bắc: Trên phần đường hướng phường Y đi Đ xác định: Từ mép ngã 3 ở phía bên phải đo về phía Bắc 10 m là hệ thống vạch sơn giảm tốc màu vàng, đo tiếp về phía Bắc 13,8m là biển báo “*Giao nhau với đường không ưu tiên*”.

Kết quả khám xe mô tô biển kiểm soát 14Z1 - 094.57 có các dấu vết:

Gãy, vỡ ốp cụm đèn pha và gãy vỡ mất cụm đèn pha phía trước và đèn xin nhan phía trước bên trái; vỡ ốp nhựa đèn xi nhan phía trước bên phải KT (10 x 3,5) cm và gãy đầu núm tay phanh phía trước bên phải; tay nắm bên phải và bên trái bị mài mòn kim loại đều có KT (03 x 03) cm; gãy vỡ ốp nhựa mặt lạ phía trước KT (25 x 15) cm; giảm xóc phía trước bên trái bị cong vênh theo hướng từ trước về sau; mài mòn kim loại chân phanh bên phải và rách cao su đầu giá đỡ chân phía trước bên phải KT (04 x 02) cm.

Kết quả khám xe mô tô biển kiểm soát 14 AZ - 079.73 có các dấu vết:

Trượt xước, vỡ nhựa đầu ốp mặt lạ phía trước bên phải KT (22 x 15) cm, hướng từ trước về sau, từ phải sang trái; trượt xước nhựa ốp đèn pha phía trước KT (12 x 04) cm; mài mòn kim loại đầu tay phanh bên phải KT (01 x 01) cm, đầu tay phanh bị đẩy cong theo hướng từ trên xuống dưới, từ sau về trước; mài mòn kim loại, trượt xước sơn, bám dính chất sơn màu tím ở mặt ngoài vỏ động cơ bên trái KT (10 x 08) cm; mài mòn kim loại cần số bên trái KT (15 x 02) cm đồng thời bị đẩy xô lệch hướng từ trước về sau...

Tiến hành ghép phương tiện xe mô tô biển kiểm soát 14AZ - 079.73 và xe mô tô biển kiểm soát 14Z1 - 094.57 xác định lốp và vành xe phía trước của xe mô tô biển

kiểm soát 14Z1 - 094.57 va chạm với giá đỡ chân phía trước bên trái của xe mô tô 14AZ- 079.73.

Quá trình điều tra, Phạm Thị L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số: 27/CT-VKSKV5, ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Q truy tố bị cáo Phạm Thị L về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Q tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm luận tội như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Phạm Thị L phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: bị cáo Phạm Thị L từ 27 (hai mươi bảy) đến 30 (ba mươi) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 54 (năm mươi bốn) đến 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Thị L cho Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Q giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo L thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Phạm Thị L cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo L phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Về vật chứng: Xe mô tô biển kiểm soát 14Z1 - 094.57, thuộc sở hữu của anh Nguyễn Văn T, xe mô tô biển kiểm soát 14Z - 079.73 thuộc sở hữu của chị Lại Thị S, các phương tiện hư hỏng nhẹ sau tai nạn. Quá trình điều tra các bên đã tự thỏa thuận được với nhau về việc bồi Tòng thiệt hại và không có yêu cầu hay đề nghị gì khác nên Cơ quan điều tra đã trả lại các phương tiện nêu trên cho chủ sở hữu. Do đó không đề cập giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Phạm Thị L đã tự nguyện bồi Tòng thiệt hại cho gia đình cháu Nguyễn Văn T số tiền 110.000.000 đồng; bồi Tòng thiệt hại cho cháu Bùi Văn T số tiền 40.000.000 đồng. Đại diện những người bị hại có đơn đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo L và không yêu cầu bồi Tòng thêm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T (chồng của bị cáo) cùng bị cáo bồi Tòng cho gia đình các bị hại không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Thị L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận, bị cáo Phạm Thị L không tranh luận gì với nội dung bản luận tội và thừa nhận việc truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, không bị oan sai.

Trong phần nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất để cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Văn T là bà Lại Thị S, Đại diện hợp pháp của bị hại Bùi Văn T là bà Nguyễn Thị B và anh Bùi Văn T, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T đều có đơn xin xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Lời khai của bị cáo Phạm Thị L tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, với lời khai của, bị hại Bùi Văn T, đại diện bị hại Lại Thị S, Nguyễn Thị B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T, những người chứng kiến anh Nguyễn Văn T và ông Lê Văn N, phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường lập hồi 22 giờ 00 phút ngày 06/9/2025, Sơ đồ hiện trường lập ngày 06/9/2025, bản ảnh hiện trường, bản ảnh về phương tiện giao thông, Kết luận giám định Tong tích của anh Bùi Văn T, Kết luận giám định tử thi của anh Nguyễn Văn T, cùng các T liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ 50 phút ngày 06/9/2025, tại đường tỉnh lộ 326, thuộc khu N, phường B, tỉnh Q. Phạm Thị L (không có giấy phép lái xe theo quy định) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 14Z1-094.57 (dung tích xi lanh 97cm³) hướng từ phường Đ đi phường Y, tỉnh Q, do không chú ý quan sát và không nhường đường cho xe đi ở phần đường ngược chiều đến từ bên trái, nên đã va chạm với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 14Z-079.73, do cháu Nguyễn Văn T điều khiển chở theo cháu Bùi Văn T ngồi phía sau đi theo hướng từ bên trái đến. Hậu quả: cháu Thành tử vong, cháu T bị Tong tích tổn hại 73% sức khỏe, xe mô tô biển kiểm soát 14Z1-094.57 và xe mô tô biển kiểm soát 14Z-079.73 bị hư hỏng nhẹ.

Hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 3 Điều 15 Luật trật tự an toàn giao thông đường bộ:

Khoản 1 Điều 9 quy định: Các hành vi bị nghiêm cấm “ 1. *Điều khiển xe cơ giới tham gia giao thông đường bộ không có giấy phép lái xe theo quy định của pháp luật; điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ không có giấy phép lái xe hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, bằng hoặc chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng...*”

Khoản 3 Điều 15 quy định: “...

3. *Khi chuyển hướng, người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải nhường đường cho người đi bộ, xe thô sơ, xe đi ngược chiều và chỉ chuyển hướng khi không gây trở ngại hoặc nguy hiểm cho người, phương tiện khác.”...*

[3] Từ những chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Phạm Thị L đã phạm vào tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự, như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Q đã quy kết đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Điều 260 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

a) Không có giấy phép lái xe theo quy định;”...

Bị cáo Phạm Thị L là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, Hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng, không những gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe của người khác mà còn gây mất trật tự an toàn nơi công cộng; bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai, vi phạm pháp luật nhưng do tính cầu thả, xem Tờng Luật giao thông đường bộ nên đã gây ra tai nạn. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi Tờng khắc phục hậu quả cho gia đình các bị hại và được gia đình các bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự và xin giảm nhẹ mức hình phạt, nên cần được xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số được Sra và lớn lên tại huyện B (nay là xã B), tỉnh Q, bị cáo mới học hết lớp 2, không biết đọc, không biết viết chữ nên có phần hạn chế nhận thức về pháp luật.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy cần cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: xét bị cáo không có giấy phép lái xe theo quy định, không hành nghề lái xe nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng: Xe mô tô biển kiểm soát 14Z1 - 094.57 và xe mô tô biển kiểm soát 14Z - 079.73 đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Phạm Thị L đã tự nguyện bồi Tờng thiệt hại cho gia đình cháu Nguyễn Văn T số tiền 110.000.000 đồng; bồi Tờng thiệt hại cho cháu Bùi Văn T số tiền 40.000.000 đồng. Đại diện những người bị hại không yêu cầu bồi Tờng thêm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T (chồng của bị cáo) cùng bị cáo bồi Tờng cho gia đình các bị hại không có yêu cầu gì đối với bị cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T (chồng bị cáo Phạm Thị L) là chủ sở hữu hợp pháp đối với chiếc xe mô tô Honda Wave biển kiểm soát 14Z1-094.57 bị cáo L đã sử dụng tham gia giao thông gây tai nạn, anh T không biết việc bị cáo L đã tự ý lấy chiếc xe trên nên không phải chịu trách nhiệm hình sự. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét về phần đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và đề nghị xử phạt bị cáo từ 27 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 54 đến 60 tháng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Q là chưa tương xứng với hậu quả do hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo Phạm Thị L gây ra làm chết một người và Tạng tích 73% sức khỏe của một người. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Q.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Thị L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự năm; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị L phạm tội: “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Thị L: 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Thị L cho Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Q giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo L thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Phạm Thị L cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo L phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Thị L phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Q;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Q;
- VKSND khu vực 5 - Q;
- CQCSĐT - Công an tỉnh Q;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Q;
- Bị cáo;
- Thi hành án dân sự tỉnh Q;
- Lưu HS., VP, THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Tuấn Anh